

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST

Ngày 15-5-2023

Về tranh chấp: "Hợp đồng mượn tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoa

2. Ông Ngô Văn Bi

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp: "Hợp đồng mượn tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Hồng T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

- *Bị đơn:*

1/ Bùi Quốc D, sinh năm 19xx (vắng mặt)

2/ Đỗ Thị Thủy T, sinh năm 20xx (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Hồng T trình bày:*

Vào ngày 16/3/2022, anh Bùi Quốc D và chị Đỗ Thị Thủy T có mượn của chị số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi ngàn đồng), Anh D và chị T hứa chậm nhất là trong vòng một tháng sẽ trả hết số tiền trên và tiền lãi nhưng không thực hiện. Sau đó, Anh D và chị T có mượn thêm số tiền 50.000.000 đồng

(Năm mươi triệu đồng) và làm biên nhận nợ với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Từ khi mượn tiền cho đến nay, Anh D và chị T chỉ trả số tiền lãi 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Nay chị yêu cầu anh Bùi Quốc D và chị Đỗ Thị Thủy T phải trả số tiền tổng cộng là 353.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu đồng) bao gồm tiền vốn 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực.

Tại phiên tòa, Chị T xác định đây là số tiền mượn, chị yêu cầu Anh D, chị T trả lại số tiền còn nợ là 293.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Quá trình tố tụng bị đơn anh Bùi Quốc D và chị Đỗ Thị Thủy T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng Anh D và chị T không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không có lời trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Chị T.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu Anh D, chị T trả lại số tiền mượn còn nợ và cung cấp giấy mượn tiền nên xác định là tranh chấp: "Hợp đồng mượn tài sản" được giải quyết theo quy định Bộ luật dân sự

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa Anh D, chị T vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của Anh D, chị T không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Anh D, chị T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng T: Chị T yêu cầu anh Bùi Quốc D và chị Đỗ Thị Thủy T trả số tiền còn nợ là 293.000.000đ, Chị T cho rằng Anh D, chị T có mượn của chị 300.000.000đ và chỉ trả được 7.000.000đ, nên còn nợ 293.000.000đ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện Chị T đã giao nộp bản chính giấy cho mượn tiền ngày 16/3/2022. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bùi Quốc D, chị Đỗ Thị Thủy T nhưng Anh D, chị T không đến Tòa trình bày ý kiến của bị đơn. Anh D, chị T không có ý kiến phản đối gì, cũng không đưa ra chứng cứ trả tiền. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử kết luận Anh D, chị Loan có mượn Chị T số là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo giấy cho mượn tiền ngày 16/3/2022.

Chị T xác định đã nhận lại 7.000.000 đồng, nên Anh D, chị T còn nợ 293.000.000đ. Do Anh D, chị T vi phạm cam kết trả tiền theo giấy cho mượn tiền ngày 16/3/2022, hội đồng xét xử nhận thấy Anh D và chị T có cam kết một tháng trả tiền cho Chị T, nhưng đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, yêu cầu của Chị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Chị T. Buộc Anh D, chị T có nghĩa vụ trả cho Chị T số tiền 293.000.000đ khi án có hiệu lực

[4] Về án phí: Yêu cầu của Chị T được chấp nhận nên Anh D và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 494, 496, 357 Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng T.

- Buộc anh Bùi Quốc D và chị Đỗ Thị Thủy T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị Hồng T số tiền 293.000.000đ (Hai trăm chín mươi ba triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

*** Về án phí:**

Anh Bùi Quốc D và chị Đỗ Thị Thủy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.650.000 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng*)

Chị Trần Thị Hồng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 8.825.000 đồng (*Tám triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008377 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh D, chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm